

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 213/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 15-10-2021.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trương Nguơn.

2. Bà Trần Kim Chi.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021, về việc tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 77/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Hoàng O, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Phạm Duy C, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp H, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị O có đơn xin vắng mặt; anh C có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Trần Thị Hoàng O có đơn xin vắng mặt; theo đơn xin ly hôn và biên bản hòa giải ngày 14/6/2021, chị O trình bày:***

Về hôn nhân: Năm 2004, chị Trần Thị Hoàng O và anh Phạm Duy C tự nguyện sống chung, nhưng cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung, chị O với anh C có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm

sống. Chị O và anh C đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, chị O yêu cầu ly hôn anh C.

Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị O không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, bị đơn anh Phạm Duy C trình bày:**

Về hôn nhân: Năm 2004, anh C với chị O tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian sống chung, anh C và chị O có cự cãi với nhau, nhưng không có phát sinh mâu thuẫn gì; anh C và chị O đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Anh C yêu cầu được đoàn tụ với chị O, không đồng ý ly hôn.

Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh C không yêu cầu gì khác.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị không chấp nhận yêu cầu của chị O. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị O và anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa các bên là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cần được xem xét và giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Xét thấy nguyên đơn chị Trần Thị Hoàng O có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và có lời trình bày thể hiện ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị O theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị O và anh C sống chung vào năm 2004. Trong quá trình sống chung, chị O và anh C phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ly thân từ năm 2020 cho đến nay; tình cảm không còn, nên chị O yêu cầu ly hôn anh C. Anh C cho rằng giữa anh C với chị O không có mâu thuẫn gì, nên anh C không đồng ý ly hôn, yêu cầu sống chung lại với chị O. Tuy nhiên, anh C xác định anh C và chị O đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay; qua thời gian hòa giải tại Tòa án chị O và anh C không hàn gắn được tình cảm, chị O không đồng ý sống chung lại với anh C; chứng tỏ tình cảm giữa chị O và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được;

nên chị O yêu cầu ly hôn anh C là phù hợp với quy định Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 100/UBND-XNTTHN ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã V xác nhận “Tình trạng hôn nhân: chưa đăng ký kết hôn với ai” (bút lục 12); đồng thời theo biên bản xác minh ngày 27/9/2021 (bút lục 24A) chị O và anh C không có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Anh C cho rằng anh C với chị O có đăng ký kết hôn vào năm 2004, nhưng anh C không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của anh Chương. Do đó, có cơ sở xác định chị O và anh C sống chung với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn. Căn cứ điểm c mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình có quy định: “ ... c. Kể từ ngày 01/01/2001 trở đi, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 của Nghị quyết này, nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đều không được pháp luật công nhận là vợ chồng ...”. Do đó, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị O và anh C.

[3.2] Về con chung: chị O và anh C không có con chung, không yêu cầu giải quyết; nên không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở; nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
 - Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
 - Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình.
 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
 - Luật thi hành án dân sự.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Hoàng O.

1. Về hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Hoàng O và anh Phạm Duy C.

2. Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

+ Chị O phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0017354 ngày 27/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị O đã nộp xong án phí.

+ Anh C không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Anh C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể ngày tuyên án. Chị O được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã V; huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu